

Bản án số: 22/2023/HS-PT

Ngày 12-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 55/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Hoàng T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Hoàng T, Nguyễn Thị M, Cao Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Đỗ Văn M và ông Trần Văn L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HS-ST ngày 14-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1963 tại quận H, Thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú: Đường L, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Nơi tạm trú: Đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Thế M (đã chết) và bà Quách Thị V; có vợ là Hoàng Thị T và có 03 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2008/HSST ngày 21, 22, 25-02-2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc (đã được xóa), chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 05-10-2022 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thị M, sinh ngày 24 tháng 01 năm 1987 tại huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Nơi đăng ký thường trú: Thôn V, xã C, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Chỗ ở: Thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Đình V (đã chết) và bà Phan Thị T; có chồng là Nguyễn Văn P và có 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Cao Thị T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1990 tại huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký thường trú: Xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở: Thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Tiến S và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Hoàng Văn H và có 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo: Công ty Cổ phần T. Trụ sở tại: Thôn S, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

- Nguyên đơn dân sự không có kháng cáo: Chi cục Thuế khu vực, trực thuộc Cục thuế tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Văn C: Đội trưởng Đội Kiểm tra thuế, Chi cục Thuế khu vực, thuộc Cục thuế tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 12-12-2022); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:

1. Ông Đỗ Văn M. Trú tại: Phố C, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Trần Văn L. Trú tại: Thôn S, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn L:

1. Ông Bé Quang H, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Chu Thị Nguyễn P, Luật sư Văn phòng Luật sư N, cùng thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần T (viết tắt là Công ty), có trụ sở tại: Thôn S, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được thành lập từ năm 2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900483068, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 06-01-2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18-7-2018. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gạch xây dựng từ đất sét,

khai thác chế biến khoáng sản, xây dựng công trình dân dụng, trồng rừng và thu hoạch các sản phẩm từ rừng... Công ty có thành lập Nhà máy gạch Tuynel N để sản xuất gạch xây dựng các loại từ đất sét. Từ ngày thành lập Công ty cho đến nay có sự thay đổi về địa chỉ, Hội đồng quản trị, Giám đốc và một số cổ đông. Tính từ năm 2017 đến năm 2020, Công ty có 03 cổ đông tham gia, gồm: Ông Hoàng T, là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty, có 55% cổ phần; ông Trần Văn L, là cổ đông ủy quyền của ông Hoàng Lại Nam, có 30% cổ phần; ông Đỗ Văn M, có 15% cổ phần. Về công việc kế toán, tài chính, Công ty có hợp đồng với Nguyễn Thị M (từ năm 2017 đến đầu năm 2020) và Cao Thị T (từ đầu năm 2020 đến khi bị khởi tố) làm sổ sách kế toán nội bộ, thu chi hàng ngày của Công ty. Ngoài ra, Hoàng T còn thuê Dương Văn T và Hoàng Minh Đ làm kế toán kê khai báo cáo thuế, báo cáo tài chính năm.

Từ năm 2017 đến năm 2020, Hoàng T đã chỉ đạo kế toán nội bộ là Nguyễn Thị M và Cao Thị T lập 02 hệ thống sổ sách kế toán của Công ty, trong đó 01 sổ ghi toàn bộ các số liệu liên quan đến quá trình sản xuất, kinh doanh của Công ty và 01 sổ ghi các số liệu có chứng từ, hóa đơn giá trị gia tăng mua vào, bán ra, các chứng từ Ngân hàng.... Ngoài ra, Hoàng T còn chỉ đạo Nguyễn Thị M và Cao Thị T trong quá trình kinh doanh, nếu khách hàng không yêu cầu lấy hóa đơn giá trị gia tăng thì Công ty không xuất hóa đơn, nếu có khách hàng nào yêu cầu lấy hóa đơn giá trị gia tăng thì phải báo cáo, nếu Hoàng T đồng ý thì mới được xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng. Theo khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27-02-2015 của Bộ Tài chính quy định trường hợp khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 200.000đồng trở lên mỗi lần người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có) thì vẫn phải lập hóa đơn và ghi rõ: Người mua không lấy hóa đơn hoặc người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế. Đồng thời, chỉ đạo Nguyễn Thị M, Cao Thị T khi chuyển hóa đơn, chứng từ để làm báo cáo thuế, báo cáo tài chính hàng năm chỉ được chuyển các hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra và các tài liệu như bảng lương, các khoản vay ngân hàng... cho Dương Văn T và Hoàng Minh Đ để kê khai thuế, báo cáo tài chính theo quy định, không cho Dương Văn T và Hoàng Minh Đ biết việc sản xuất, kinh doanh thực tế của Công ty. Theo đó, từ năm 2017 đến năm 2020 Công ty để ngoài doanh thu, không kê khai thuế, báo cáo tài chính nhằm mục đích trốn thuế với số lượng rất lớn, cụ thể như sau:

Năm 2017: Doanh thu thực tế của Công ty là 43.752.042.004đồng, Công ty chỉ kê khai báo cáo tài chính số tiền 8.696.664.548đồng, để ngoài doanh thu là 35.055.377.456đồng, số tiền trốn thuế là 2.696.175.294đồng.

Năm 2018: Doanh thu thực tế của Công ty là 31.850.522.813đồng, Công ty chỉ kê khai báo cáo tài chính số tiền 5.578.481.019đồng, để ngoài doanh thu 26.272.041.794 đồng, số tiền trốn thuế là 1.355.672.484đồng.

Năm 2019: Doanh thu thực tế của Công ty là 33.842.777.310đồng, Công ty chỉ kê khai báo cáo tài chính số tiền 11.745.643.226đồng, để ngoài doanh thu 22.097.134.084đồng, số tiền trốn thuế là 1.657.242.530đồng.

Năm 2020: Doanh thu thực tế của Công ty là 36.912.256.334đồng, Công ty chỉ kê khai báo cáo tài chính số tiền 7.733.463.186đồng, để ngoài doanh thu 29.178.793.148 đồng, số tiền trốn thuế là 2.378.963.525đồng.

Như vậy, tính từ năm 2017 đến năm 2020, doanh thu thực tế của Công ty là 146.357.598.461đồng, nhưng theo sự chỉ đạo của Hoàng T, Công ty chỉ báo cáo tài chính và kê khai thuế số tiền là 33.754.251.979đồng, số doanh thu để ngoài không báo cáo tài chính, kê khai thuế là 112.603.346.482đồng. Tổng số tiền Công ty đã trốn thuế là 8.088.053.834đồng. Trong đó xác định, năm 2017 2018, 2019 Nguyễn Thị M để ngoài doanh thu không kê khai thuế với số tiền là 82.754.998.694đồng, thuế giá trị gia tăng sau khi trừ thuế đầu vào còn lại là 5.709.090.309đồng; năm 2020 Cao Thị T để ngoài doanh thu không kê khai thuế với số tiền là 29.848.347.788đồng, thuế giá trị gia tăng sau khi trừ thuế đầu vào còn lại là 2.378.963.525đồng.

Về pháp nhân Công ty Cổ phần T: Từ năm 2017 đến năm 2020 Công ty để ngoài doanh thu, không kê khai thuế, nhằm mục đích trốn thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền là 8.088.053.834đồng. Toàn bộ số tiền trốn thuế này Công ty sử dụng vào hoạt động của công ty như: Trả lương công nhân, mua máy móc, thiết bị đầu tư sản xuất, làm nhà xưởng, trả lãi ngân hàng, giải phóng mặt bằng. Số tiền 4.234.000.000đồng chia cổ tức trong các năm 2017 đến 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp, cụ thể: Hoàng T được chia 2.161.500.000đồng, Trần Văn L được chia 1.280.000.000đồng và Đỗ Văn M được chia 792.500.000đồng. Trong vụ án, Hoàng T là Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty đã chỉ đạo Nguyễn Thị M, Cao Thị T thực hiện hành vi trốn thuế. Số tiền trốn thuế được sử dụng cho mục đích chung của Công ty và chia cổ tức cho các cổ đông góp vốn như đã nêu trên. Vì vậy, Công ty phải chịu trách nhiệm hình sự với tư cách pháp nhân.

Tại Kết luận giám định số: 45/KL-CT ngày 08-9-2022 của Hội đồng Giám định tư pháp trong lĩnh vực thuế kết luận: Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng Công ty phải nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền không kê khai báo cáo thuế trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020 là 8.088.053.834đồng. Đối với số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường không xác định được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HS-ST ngày 14-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng T; căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị M, Cao Thị T; căn cứ Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên bố các bị cáo Hoàng T, Nguyễn Thị M, Cao Thị T phạm tội Trốn thuế.

Xử phạt bị cáo Hoàng T 04 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Cao Thị T 02 năm tù. Buộc bị cáo Hoàng T nộp lại số tiền 2.161.500.000đồng; ông Trần Văn L nộp lại số tiền 1.280.000.000đồng; ông Đỗ Văn M nộp lại số tiền 792.500.000đồng; Pháp nhân thương mại Công ty nộp lại số tiền là 3.854.053.834đồng cho Ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, Bản án còn xử phạt Công ty số tiền 3.000.000.000đồng, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị cáo Hoàng T kháng cáo xin giảm hình phạt tù; bị cáo Nguyễn Thị M kháng cáo xin hưởng mức án dưới khung hình phạt và được hưởng án treo; bị cáo Cao Thị T kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L kháng cáo về biện pháp tư pháp, đề nghị không thu lại số tiền các ông được chia lãi cổ tức từ Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng T giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị M, Cao Thị T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị hủy bỏ các lệnh phong tỏa tài khoản đối với họ. Ông Trần Văn L nhất trí xét xử vụ án vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là bà Chu Thị Nguyễn P.

Người đại diện cho nguyên đơn dân sự đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; đề nghị xem xét kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội Trốn thuế là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo Nguyễn Thị M, Cao Thị T kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét thấy, bản án sơ thẩm nhận định, đánh giá về tính chất mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo chưa phù hợp; chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Nguyễn Thị M, Cao Thị T được hưởng; áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Cao Thị T không chính xác. Dẫn đến việc quyết định mức hình phạt với bị cáo Hoàng T có phần hơi nghiêm khắc. Ngoài ra, cấp sơ thẩm không xem xét và quyết định về các quyết định, lệnh phong tỏa tài khoản của bị cáo, của Công ty, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Hoàng T đã tác động gia đình nộp số tiền 50.200.000đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị M cung cấp thêm các tài liệu mới thể hiện ông nội của bị cáo là được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến, bị cáo nhiều lần ủng hộ quỹ của Trung tâm hy vọng L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Cao Thị T có chồng năm 2019 bị tai nạn chấn thương sọ não; mẹ chồng hiện nay đang điều trị bệnh ung thư; bố chồng được

tặng thưởng Huy hiệu thợ mỏ ngành than, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 mà các bị cáo được hưởng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng T, giảm hình phạt tù cho bị cáo xuống còn 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị M, Cao Thị T và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Xét thấy, cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp tư pháp buộc ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L nộp lại số tiền được chia lãi cổ tức từ năm 2017 đến năm 2020 là có căn cứ pháp lý, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L không có tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đã đưa ra. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L về biện pháp tư pháp. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các Quyết định và Lệnh phong tỏa tài khoản theo quy định của pháp luật.

Ông Bé Quang H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn L trình bày: Việc Công ty và các bị cáo có hành vi trốn thuế, ông Trần Văn L không biết và cũng không có lỗi, số tiền hưởng lợi từ hành vi trốn thuế và số tiền lãi cổ tức đã được trộn lẫn và phân chia lợi nhuận cho cổ đông. Việc truy thu số tiền trốn thuế là đúng pháp luật, nhưng trước tiên Công ty phải bị truy thu toàn bộ số tiền trốn thuế. Sau này, Công ty có quyền khởi kiện ông Trần Văn L bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không truy thu số tiền 1.280.000.000đồng của ông Trần Văn L, hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản của ông Trần Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả 03 bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên, cụ thể: Công ty cổ phần T có người đại diện theo pháp luật là bị cáo Hoàng T. Từ năm 2017 đến năm 2019, bị cáo Hoàng T đã chỉ đạo bị cáo Nguyễn Thị M và năm 2020 đã chỉ đạo bị cáo Cao Thị T để lập 02 hệ thống sổ sách kế toán, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng khi khách hàng không có nhu cầu lấy hóa đơn và để ngoài doanh thu không kê khai báo cáo thuế, báo cáo tài chính với mục đích là để trốn nộp thuế cho Nhà nước. Các bị cáo Nguyễn Thị M và Cao Thị T nhận thức được việc lập 02 hệ thống sổ sách kế toán, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng khi bán hàng và không cung cấp đầy đủ doanh thu cho Dương Văn T và Hoàng Minh Đ để kê khai thuế, báo cáo tài chính là vi phạm pháp luật. Công ty cổ phần T thực hiện hành vi trốn thuế từ năm 2017 đến năm 2020 với tổng số tiền 8.088.053.834đồng, trong đó bị cáo Nguyễn Thị M đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Hoàng T từ năm

2017 đến năm 2019 với số tiền trốn thuế là 5.709.090.308đồng, bị cáo Cao Thị T đã giúp sức cho bị cáo Hoàng T trốn thuế trong năm 2020 với số tiền là 2.378.963.525đồng. Số tiền trốn thuế được sử dụng cho mục đích chung của Công ty và chia cổ tức cho các cổ đông góp vốn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hoàng T, Nguyễn Thị M, Cao Thị T về tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng T, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này đã khởi tố pháp nhân thương mại là Công ty cổ phần T với tổng số tiền trốn thuế là 8.088.053.834đồng. Toàn bộ tiền trốn thuế đã được đưa vào Công ty, trong đó tiền chia cổ tức là 4.234.000.000đồng và đưa vào hoạt động của Công ty là 3.854.053.834đồng. Bị cáo Hoàng T chỉ được chia cổ tức số tiền 2.161.500.000đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chưa chính xác vai trò của bị cáo Hoàng T trong vụ án này. Do đó, mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động để bà Hoàng Thị T (vợ bị cáo) nộp thay bị cáo số tiền 50.200.000đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo quyết định của Bản án sơ thẩm (về biện pháp tư pháp). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, nhưng mức giảm hình phạt vẫn phải đảm bảo theo luật định và phù hợp với mức hình phạt của các đồng phạm khác.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị M, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định của pháp luật. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chưa chính xác vai trò của bị cáo Hoàng T trong vụ án này nên đương nhiên việc đánh giá vai trò của bị cáo Nguyễn Thị M cũng không chính xác. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa đánh giá về việc bị cáo chỉ là người làm công ăn lương nên phải thực hiện theo sự chỉ đạo của giám đốc Công ty. Bản thân bị cáo không được hưởng lợi từ hành vi trốn thuế của pháp nhân thương mại, bị cáo chỉ đóng vai trò giúp sức trong vụ án. Tuy nhiên, mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên về cơ bản là khá phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm các tài liệu mới thể hiện ông nội của bị cáo là ông Nguyễn Đình S được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng nhất, bị cáo nhiều lần ủng hộ tiền cho các cháu tại Trung tâm hy vọng L, tỉnh Lạng Sơn trong năm 2023. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, bị cáo bị phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở

lên nhưng các lần phạm tội bị cáo đều chỉ tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức không cao và là vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Mặt khác, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt tù cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Cao Thị T, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định của pháp luật. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chưa chính xác vai trò của bị cáo Hoàng T, bị cáo Nguyễn Thị M trong vụ án này nên đương nhiên việc đánh giá vai trò của bị cáo Cao Thị T cũng không chính xác. Theo quy định, báo cáo tài chính hàng của Công ty thường tính từ 01-01 đến 31-12 hàng năm. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa đánh giá về việc bị cáo chỉ là người làm công ăn lương nên phải thực hiện theo sự chỉ đạo của giám đốc Công ty. Bản thân bị cáo không được hưởng lợi từ hành vi trốn thuế của pháp nhân thương mại. Bị cáo Hoàng T và bị cáo Cao Thị T đều thừa nhận: Tháng 3-2020 khi tiếp nhận công việc từ bị cáo Nguyễn Thị M, thì bị cáo Cao Thị T đã tham mưu cho bị cáo Hoàng T về những sai phạm trong nộp thuế và có đề nghị xuất hóa đơn nộp thuế bổ sung nhưng bị cáo Hoàng T không đồng ý; đến năm 2021, Công ty mới kê khai nộp thuế đúng quy định. Trong vụ án này, từ 19-3-2020 bị cáo mới được giao nhiệm vụ làm kế toán Công ty đến thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện, việc các bị cáo Hoàng T, Nguyễn Thị M thực hiện hành vi trốn thuế trong những năm trước đó bị cáo không biết, không phải chịu trách nhiệm. Nên bị cáo không phạm tội nhiều lần mà chỉ thực hiện tội phạm duy nhất một lần vào năm 2020. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo là không đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt 02 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên về cơ bản là khá phù hợp.

[5] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Cao Thị T cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới thể hiện chồng bị cáo là Hoàng Văn H năm 2019 bị tai nạn chấn thương sọ não; mẹ chồng hiện nay đang điều trị bệnh ung thư; bố chồng là ông Hoàng Văn M được tặng thưởng Huy hiệu thợ mỏ ngành than, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, bị cáo bị phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm thấp nhất và là vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Trong quá trình sinh

sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt tù cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[6] Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L, thấy rằng: Theo Điều lệ của Công ty cổ phần T năm 2015 và Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì Công ty chỉ được trả cổ tức sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính theo quy định. Trong vụ án này, Công ty đã thực hiện trả cổ tức khi chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Ông Đỗ Văn M và ông Trần Văn L đều là các cổ đông của Công ty được hưởng lợi từ tiền trốn thuế của Công ty. Số tiền ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L đã hưởng là tiền do phạm tội mà có, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm truy thu số tiền có được từ hành vi phạm tội là đúng quy định. Mặt khác, cần ưu tiên hoàn trả tiền trốn thuế cho Ngân sách Nhà nước. Xét thấy, nếu quyền và lợi ích bị xâm phạm bởi người đại diện của Công ty thì ông Đỗ Văn M và ông Trần Văn L có quyền khởi kiện bằng vụ án kinh doanh thương mại khác để đảm bảo lợi ích của bản thân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn M và ông Trần Văn L.

[7] Đối với các tài khoản Ngân hàng hiện đang bị phong tỏa, thấy rằng: Để đảm bảo cho công tác điều tra, Cơ quan điều tra đã thực hiện phong tỏa tài khoản đối với 06 tài khoản Ngân hàng, bao gồm Công ty 02 tài khoản, bị cáo Hoàng T 02 tài khoản, ông Đỗ Văn M 01 tài khoản, ông Trần Văn L 01 tài khoản. Kết thúc điều tra, giai đoạn xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về việc tiếp tục duy trì hay hủy bỏ đối với các quyết định, lệnh phong tỏa này là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Đỗ Văn M và ông Trần Văn L đã có kháng cáo với đối với phần quyết định về biện pháp tư pháp đối với số tiền buộc các ông phải nộp lại. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần xem xét, khắc phục sai sót và tuyên bổ sung về nội dung này. Như đã nhận định ở trên, tiền do phạm tội mà có cần phải ưu tiên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước nên cần tiếp tục duy trì các quyết định, lệnh phong tỏa tài khoản để đảm bảo thi hành án đối với các tài khoản còn tiền, tài khoản không còn tiền thì hủy bỏ quyết định phong tỏa.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với các quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[10] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[11] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt tù của bị cáo Hoàng T, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị M, Cao Thị T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HS-ST ngày 14-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù của các bị cáo Hoàng T, Nguyễn Thị M, Cao Thị T, cụ thể như sau:

1.1. Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trốn thuế. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05-10-2022.

1.2. Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Trốn thuế. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 12-9-2023.

1.3. Căn cứ khoản 3 Điều 200, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Cao Thị T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo về tội Trốn thuế. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 12-9-2023.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị M, Cao Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo về biện pháp tư pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Văn M và ông Trần Văn L; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2023/HS-ST ngày 14-6-2023 của

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn về phân biện pháp tư pháp, cụ thể: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Truy thu của bị cáo Hoàng T số tiền 2.161.500.000đồng (hai tỷ một trăm sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Hoàng T (bà Hoàng Thị T nộp thay Hoàng T) đã nộp số tiền 50.200.000đồng (năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005596 ngày 07 tháng 9 năm 2023.

Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn L số tiền 1.280.000.000đồng (một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước

Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Văn M số tiền 792.500.000đồng (bảy trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước

Truy thu của Pháp nhân thương mại Công ty cổ phần T số tiền là 3.854.053.834đồng (ba tỷ tám trăm năm mươi tư triệu không trăm năm mươi ba nghìn tám trăm ba mươi tư đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Hủy bỏ Quyết định phong tỏa tài khoản của pháp nhân số: 01/QĐ-CSKT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đối với tài khoản 35110000198639 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn của Công ty cổ phần T.

4. Tiếp tục duy trì:

Lệnh phong tỏa tài khoản số: 01/LPT-CSKT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 149.767đồng trong tài khoản 21110001197638, số tiền 51.334đồng trong tài khoản 35110000214702 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Lạng Sơn của bị cáo Hoàng T, để đảm bảo thi hành án.

Lệnh phong tỏa tài khoản số: 02/LPT-CSKT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 3.940.265đồng trong tài khoản 106871391363 tại Ngân hàng thương mại cổ phần C, Chi nhánh Lạng Sơn của ông Trần Văn L, để đảm bảo thi hành án.

Lệnh phong tỏa tài khoản số: 03/LPT-CSKT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 13.954.748đồng trong tài khoản 35110000533106 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Lạng Sơn của ông Đỗ Văn M, để đảm bảo thi hành án.

Quyết định phong tỏa tài khoản của pháp nhân số: 02/QĐ-CSKT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 12.011.114đồng trong tài khoản 119000052764 tại Ngân hàng thương mại cổ phần C, Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn của Công ty cổ phần T, để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng T, Nguyễn Thị M, Cao Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Văn M, ông Trần Văn L mỗi người phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. L, tỉnh Lạng Sơn;
- CA H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa